

Số: 77 /2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác
Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chế độ
báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối,
chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và
Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số
85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn
hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-VPCP của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn
phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai
thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số
84/TTr-VPUBND ngày 17 tháng 7 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận
hành, sử dụng và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2026.

2. Bãi bỏ Quyết định số 53/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đắk Lắk;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Các cơ quan, đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh (đăng tải);
- Các phòng, Trung tâm thuộc VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC (B).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyên Thảo

QUY CHẾ
Quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống thông tin
báo cáo tỉnh Đắk Lắk
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Hệ thống); việc cập nhật thông tin, thực hiện chế độ báo cáo; kết nối, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống.

2. Quy chế này không áp dụng đối với báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê, chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và chế độ báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước.

3. Các nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống.

2. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk là hệ thống thông tin hỗ trợ cập nhật, thu thập, tổng hợp, phân tích, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đáp ứng yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Cơ quan chủ sở hữu Hệ thống (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản) là Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Hệ thống (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý, vận hành) là Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

4. Giao diện số (Dashboard) hiển thị thông tin các chỉ tiêu là bảng điều khiển kỹ thuật số dùng để tổng hợp, hiển thị dữ liệu của các cơ quan, đơn vị dưới dạng chỉ số và thông tin đo lường, phục vụ đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, quản lý thông tin trên môi trường mạng và các nội dung đã được phê duyệt trong hồ sơ xác định cấp độ an toàn thông tin của Hệ thống.

2. Bảo đảm Hệ thống vận hành liên thông, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; có khả năng tích hợp, kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành của các sở, ban, ngành đã được xây dựng, vận hành ổn định và các hệ thống thông tin khác; tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Đắk Lắk, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin và cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi giữa các hệ thống thông tin.

3. Bảo đảm cung cấp số liệu kịp thời, chính xác, đầy đủ, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Số liệu báo cáo phải được đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương về khái niệm, phương pháp tính và đơn vị tính, bảo đảm thuận lợi cho việc tổng hợp, phân tích và chia sẻ thông tin báo cáo.

5. Hệ thống phải được bảo đảm vận hành ổn định, liên tục, an toàn; dữ liệu phải được sao lưu định kỳ, lưu trữ, khai thác theo phân quyền và có phương án dự phòng, khôi phục dữ liệu, ứng phó sự cố theo quy định của pháp luật.

6. Việc phân quyền tài khoản cho người sử dụng phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; cơ quan, đơn vị, cá nhân được cấp tài khoản có trách nhiệm quản lý, bảo vệ tài khoản, mật khẩu và chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động phát sinh từ tài khoản được giao theo quy định.

7. Kế hoạch bảo trì, nâng cấp, hiệu chỉnh Hệ thống phải được thông báo đến các cơ quan, đơn vị có liên quan chậm nhất 24 giờ trước khi thực hiện, trừ trường hợp xử lý sự cố khẩn cấp hoặc theo yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO TỈNH ĐẮK LẮK

Điều 5. Địa chỉ truy cập và chức năng của Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk

1. Hệ thống được truy cập tại địa chỉ: <https://baocao.daklak.gov.vn>.
2. Hệ thống đáp ứng các yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu theo quy định tại các điều 17, 18 và 19 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 6. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật và kinh phí

1. Hệ thống được bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, máy chủ và các điều kiện cần thiết để vận hành ổn định, thông suốt.
2. Kinh phí quản lý, vận hành, duy trì, nâng cấp, hoàn thiện nền tảng phần mềm, hạ tầng kỹ thuật và công nghệ cho Hệ thống được bảo đảm từ ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 7. Tổ chức quản lý, vận hành

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đầu mối quản lý kỹ thuật, quản trị phần mềm, cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật và công nghệ liên quan đến Hệ thống:

1. Tổ chức quản lý, vận hành Hệ thống, duy trì hoạt động ổn định, thông suốt, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác theo quy định.
2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai ứng dụng Hệ thống; tập huấn, hướng dẫn sử dụng Hệ thống khi có yêu cầu hoặc khi Hệ thống được nâng cấp, điều chỉnh chức năng; chuyển giao quyền quản trị Hệ thống phù hợp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai các chế độ báo cáo do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và báo cáo quản lý nhà nước chuyên ngành; tiếp nhận phản ánh, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật và phối hợp xử lý các sự cố phát sinh trên Hệ thống.

Điều 8. Tổ chức khai thác, sử dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

a) Phân công nhiệm vụ, cụ thể hóa trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị trực thuộc trong việc quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống trong quá trình thực hiện các chế độ báo cáo theo Quy chế này.

b) Bố trí bộ phận hoặc cử tối thiểu 01 công chức, viên chức hoặc người lao động làm đầu mối kiêm nhiệm quản trị Hệ thống, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và phạm vi, nhiệm vụ, quyền quản trị được giao; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống.

c) Bảo đảm các điều kiện hạ tầng kết nối mạng, máy tính và các thiết bị liên quan phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống; xây dựng, triển khai các phương án, biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng tại cơ quan, đơn vị.

2. Bộ phận, người quản trị Hệ thống của cơ quan, đơn vị:

a) Đề xuất Thủ trưởng cơ quan, đơn vị khởi tạo, thu hồi, sửa đổi tài khoản và phân quyền cho người được giao quản trị, khai thác Hệ thống tại cơ quan, đơn vị; quản trị hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị trên Hệ thống; đề xuất, tham mưu và tổ chức cập nhật, sửa đổi, bổ sung, chuẩn hóa biểu mẫu khi cần thiết, bảo đảm hạn chế trùng lặp chỉ tiêu, dữ liệu và tăng khả năng tái sử dụng dữ liệu.

b) Hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị khai thác Hệ thống; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cấp, hiệu chỉnh phần mềm Hệ thống và xử lý, khắc phục sự cố phát sinh (nếu có).

3. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị được giao khai thác, sử dụng Hệ thống:

a) Thực hiện nghiêm các quy định của Quy chế này và phân công nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị về quản lý, khai thác Hệ thống.

b) Tự quản lý tài khoản, bảo vệ mật khẩu tài khoản cá nhân, không sử dụng tài khoản của người khác và không để người khác sử dụng tài khoản của mình trên Hệ thống; trường hợp mất mật khẩu phải kịp thời báo cáo, đề nghị người quản trị Hệ thống của cơ quan, đơn vị tổng hợp thông tin và gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp lại.

c) Chủ động theo dõi, xử lý yêu cầu thực hiện báo cáo hoặc tiếp nhận, tổng hợp thông tin báo cáo được phân công; chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, dữ liệu trao đổi, cung cấp và báo cáo trên Hệ thống bằng tài khoản cá nhân của mình.

d) Kịp thời thông báo, phối hợp với bộ phận, người quản trị Hệ thống của cơ quan, đơn vị hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng Hệ thống.

Điều 9. Quyền của tài khoản được cấp

1. Tài khoản quản trị hệ thống và tổng hợp được sử dụng để cấu hình, quản trị, vận hành phần mềm; theo dõi tiến trình xử lý dữ liệu, kết quả đối soát; kiểm tra dữ liệu đối soát giữa Hệ thống và các hệ thống nguồn khác, gồm các quyền sau:

- a) Quản lý chỉ tiêu của đơn vị.
- b) Tạo biểu mẫu nhập liệu, phân quyền tài khoản nhập liệu, duyệt số liệu.
- c) Tạo biểu mẫu báo cáo, phân tài khoản tạo báo cáo, duyệt báo cáo, theo dõi tình hình thực hiện báo cáo.
- d) Phân công tài khoản tiếp nhận báo cáo do cơ quan, đơn vị khác gửi đến.
- e) Tạo giao diện số (Dashboard) hiển thị thông tin các chỉ tiêu của đơn vị.

2. Tài khoản sử dụng gồm các quyền sau:

a) Tài khoản lãnh đạo đơn vị là tài khoản được gán quyền phê duyệt báo cáo, có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát, phê duyệt báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý, gồm các quyền: duyệt số liệu; duyệt báo cáo của đơn vị; theo dõi tình hình thực hiện báo cáo của đơn vị; xem biểu đồ các chỉ tiêu của đơn vị.

b) Tài khoản người nhập liệu là tài khoản được gán quyền cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin báo cáo thuộc lĩnh vực quản lý, gồm các quyền: tạo báo cáo của đơn vị; nhập số liệu đối với biểu mẫu được giao; duyệt số liệu đối với biểu mẫu được phân công phụ trách (nếu được ủy quyền); xem giao diện số (Dashboard) hiển thị các chỉ tiêu của phòng, ban phụ trách.

Chương III

CẬP NHẬT THÔNG TIN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 10. Thiết lập, cập nhật hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo

1. Thiết lập hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo cấp tỉnh, cấp xã:

a) Trên Hệ thống được thiết lập sẵn danh mục báo cáo, mẫu đề cương và biểu mẫu số liệu báo cáo theo các quyết định công bố danh mục chế độ báo cáo do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, tổ chức cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo cấp tỉnh, cấp xã trên Hệ thống khi có thay đổi, sửa đổi, bổ sung; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, chuẩn hóa biểu mẫu, hạn chế việc nhập liệu

trùng lặp, tăng khả năng chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, chỉ đạo, điều hành.

2. Điều chỉnh, cập nhật hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh:

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thống kê tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và kịp thời cập nhật, điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

b) Căn cứ hệ thống chỉ tiêu và chế độ báo cáo định kỳ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại điểm a khoản 2 Điều này, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Tài chính, Thống kê tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thiết lập, cập nhật, điều chỉnh nội dung; hướng dẫn khai thác, thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống.

3. Thiết lập, cập nhật hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, đề cương báo cáo phục vụ quản lý nhà nước chuyên ngành của cơ quan, đơn vị:

a) Trường hợp cơ quan, đơn vị, địa phương chưa triển khai Hệ thống nhưng có nhu cầu ứng dụng Hệ thống của tỉnh thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép ứng dụng Hệ thống để hỗ trợ công tác quản lý nhà nước. Kinh phí thiết lập hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, biểu mẫu nhập liệu, biểu mẫu báo cáo chuyên ngành do cơ quan, đơn vị, địa phương chi trả theo quy định.

b) Trường hợp cơ quan chuyên ngành đã có hệ thống thông tin ngành dọc và có nhu cầu kết nối với Hệ thống của tỉnh thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho phép kết nối; đồng thời, làm đầu mối phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kết nối, liên thông giữa hệ thống thông tin ngành dọc và Hệ thống của tỉnh, bảo đảm chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước tại địa phương.

Điều 11. Thu thập, tổng hợp và ký duyệt dữ liệu

1. Việc thu thập, tổng hợp dữ liệu được thực hiện tại các cơ quan, đơn vị tham gia Hệ thống nhằm tạo lập nguồn dữ liệu phục vụ hoạt động của Hệ thống.

2. Nguồn số liệu cung cấp cho Hệ thống chủ yếu từ các báo cáo của cơ quan cấp dưới và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

3. Chuyên viên các phòng, ban chuyên môn thực hiện thu thập, tổng hợp số liệu liên quan đến lĩnh vực, chỉ tiêu do phòng, ban phụ trách.

4. Số liệu tổng hợp được các phòng, ban chuyên môn chuyển đến lãnh đạo đơn vị để ký duyệt.

a) Trường hợp lãnh đạo đơn vị không phê duyệt, phải nêu rõ lý do; số liệu tổng hợp được chuyển lại phòng, ban chuyên môn để chỉnh sửa theo yêu cầu và trình phê duyệt lại.

b) Trường hợp lãnh đạo đơn vị phê duyệt, số liệu tổng hợp được lưu vào kho cơ sở dữ liệu tổng hợp của đơn vị để phục vụ công tác báo cáo, thống kê.

Điều 12. Thành phần báo cáo

Báo cáo được thiết lập, cập nhật theo Điều 10 của Quy chế này gồm 02 (hai) phần:

1. Phần báo cáo thể hiện các chỉ tiêu dưới dạng bảng biểu:

a) Tùy theo từng loại báo cáo, đơn vị tạo lập biểu mẫu theo các chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thông qua Hệ thống hoặc theo nhu cầu thực tế của đơn vị.

b) Nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu báo cáo được thiết lập trên Hệ thống.

2. Phần báo cáo thuyết minh gồm nhận xét, đánh giá, đề xuất, kiến nghị dưới dạng văn bản được đính kèm trên Hệ thống.

Điều 13. Thời hạn gửi báo cáo

1. Việc giao cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện báo cáo phải tuân thủ quy định về chế độ báo cáo hoặc yêu cầu quản lý nhà nước; thời điểm giao báo cáo phải trước thời hạn yêu cầu gửi báo cáo ít nhất 03 ngày, trừ báo cáo đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương.

2. Trường hợp thời hạn báo cáo trùng vào ngày nghỉ hằng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn gửi báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

3. Đối với báo cáo chuyên đề, đột xuất, thực hiện theo yêu cầu cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trường hợp đơn vị chủ trì mở hoặc đóng chức năng tiếp nhận báo cáo trên Hệ thống trong thời gian khác với quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì phải thông báo cho các đơn vị thực hiện báo cáo, trong đó nêu rõ thời gian mở, thời gian đóng chức năng tiếp nhận, thời hạn cập nhật thông tin, thời hạn gửi báo cáo và thời gian chốt số liệu. Thời gian cập nhật thông tin, gửi báo cáo được Hệ thống ghi nhận, tổng hợp.

5. Đối với báo cáo định kỳ, thời gian chốt số liệu thực hiện theo chế độ báo cáo được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Khi thiết lập báo cáo trên Hệ thống, cơ quan chủ trì phải xác định rõ kỳ báo cáo, thời gian chốt số liệu, thời hạn cập nhật và thời hạn gửi báo cáo để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện thống nhất.

Chương IV

KẾT NỐI, CHIA SẺ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO TÌNH ĐẮK LẮK

Điều 14. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác

Cơ quan quản lý, vận hành chủ trì xây dựng Hệ thống, bảo đảm tích hợp, kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu và liên thông với các hệ thống thông tin khác theo quy định; ưu tiên kết nối với cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành của các sở, ban, ngành đã được xây dựng, vận hành ổn định nhằm giảm nhập liệu thủ công, hạn chế trùng lặp, sai sót và phục vụ tái sử dụng dữ liệu. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm thông suốt giữa Hệ thống với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, cơ quan và các hệ thống thông tin có liên quan; đồng thời, tuân thủ quy định về quản lý, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 15. Biện pháp bảo đảm vận hành Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk

1. Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kỹ thuật để bảo đảm Hệ thống hoạt động ổn định, liên tục; tổ chức giám sát, theo dõi tình trạng vận hành, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc phối hợp xử lý các sự cố phát sinh.

2. Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ; xây dựng, duy trì phương án dự phòng, khôi phục dữ liệu và ứng phó sự cố nhằm hạn chế nguy cơ mất mát, sai lệch dữ liệu hoặc gián đoạn hoạt động của Hệ thống.

3. Cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống lập kế hoạch bảo trì, nâng cấp, hiệu chỉnh Hệ thống và thông báo cho các cơ quan, đơn vị có liên quan chậm nhất 24 giờ trước khi thực hiện thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ hoặc hình thức phù hợp khác, trừ trường hợp xử lý sự cố khẩn cấp hoặc yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

4. Các cơ quan, đơn vị và cá nhân khai thác, sử dụng Hệ thống có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý, vận hành trong việc kiểm tra, bảo trì, nâng cấp, hiệu chỉnh và khắc phục sự cố Hệ thống.

Điều 16. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống:

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin; tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01

tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin; triển khai biện pháp phòng, chống tấn công mạng, mã độc, truy cập trái phép và các nguy cơ gây mất an toàn thông tin, an ninh mạng đối với Hệ thống.

c) Chủ trì hoặc phối hợp với Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan giám sát, phát hiện, xử lý sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và cá nhân quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống:

a) Chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng; chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với hành vi vi phạm trong quá trình quản lý, khai thác, kết nối và cập nhật dữ liệu trên Hệ thống.

b) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng khi kết nối, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống theo Quy chế này và quy định của pháp luật.

c) Kịp thời thông báo và phối hợp với cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống, cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xử lý sự cố mất an toàn thông tin, an ninh mạng.

3. Thiết bị đầu cuối khi kết nối với Hệ thống phải được cài đặt, cập nhật thường xuyên phần mềm phòng, chống vi rút, mã độc và áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin khác theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Duy trì hoạt động, bảo trì, nâng cấp, hiệu chỉnh

1. Hệ thống phải được thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, nâng cấp, hiệu chỉnh để bảo đảm hoạt động liên tục 24 giờ trong ngày, 07 ngày trong tuần.

2. Hệ thống phải được bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ để vận hành, khai thác, sử dụng trong phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt, ổn định, nhanh chóng, thuận lợi; đáp ứng yêu cầu về tốc độ xử lý, truyền tải thông tin, dữ liệu điện tử.

3. Hằng năm, cơ quan quản lý, vận hành phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, đề xuất phương án nâng cấp, hiệu chỉnh chức năng của Hệ thống phù hợp với văn bản hướng dẫn của Trung ương và nhu cầu thực tế. Ưu tiên hoàn thiện các chức năng tích hợp dữ liệu tự động, cảnh báo tiến độ báo cáo, theo dõi tình hình cập nhật số liệu, khai thác dữ liệu lịch sử, xây dựng giao diện số (Dashboard) theo phân quyền và tăng cường tiện ích nhằm bảo đảm việc khai thác, sử dụng Hệ thống nhanh chóng, ổn định, hiệu quả.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THAM GIA HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO TÌNH ĐẮK LẮK

Điều 18. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; tham mưu giải pháp bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn thông tin, an ninh mạng để Hệ thống hoạt động hiệu quả; định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sử dụng, khai thác Hệ thống (lồng ghép vào báo cáo định kỳ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính).

2. Thường xuyên tổng hợp khó khăn, vướng mắc; tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Quy chế để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và hoạt động của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Tổ chức quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả Hệ thống tại các cơ quan hành chính nhà nước; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin và an ninh mạng để Hệ thống hoạt động ổn định; tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu khai thác Hệ thống, nhất là khi Hệ thống được nâng cấp, điều chỉnh chức năng.

Điều 19. Các cơ quan chủ trì tham mưu, tổng hợp báo cáo

Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm chế độ cập nhật thông tin, báo cáo do đơn vị mình chủ trì tham mưu, tổng hợp theo danh mục chế độ báo cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Cung cấp số liệu và cập nhật thông tin của ngành, lĩnh vực mình, bảo đảm chính xác, đầy đủ và kịp thời trên Hệ thống; chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng dữ liệu, số liệu thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách để phục vụ việc tổng hợp báo cáo trên Hệ thống.

2. Thường xuyên rà soát, đối chiếu, bổ sung thông tin trên Hệ thống và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan; phối hợp chuẩn hóa, cập nhật, khai thác dữ liệu lịch sử theo phân quyền để phục vụ tổng hợp, phân tích, đánh giá và chia sẻ thông tin báo cáo theo quy định.

3. Tổ chức quán triệt, thực hiện đầy đủ các quy định tại Quy chế này; định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sử dụng, khai thác Hệ thống, khó khăn, vướng mắc, đề xuất nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (lồng ghép vào báo cáo định kỳ về công tác kiểm soát thủ tục hành chính).

Điều 21. Công an tỉnh

Công an tỉnh phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho Hệ thống và hỗ trợ kỹ thuật về an toàn thông tin đối với thiết bị đầu cuối được sử dụng để khai thác Hệ thống theo quy định; hướng dẫn, phối hợp xử lý sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng đối với Hệ thống theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn triển khai các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về công nghệ đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đô thị thông minh; phối hợp hướng dẫn, triển khai giải pháp bảo đảm kết nối, dùng chung hạ tầng công nghệ thông tin theo quy định.

Điều 23. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Thống kê tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện thu thập, tổng hợp và cập nhật thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thường xuyên rà soát, phối hợp với Thống kê tỉnh cung cấp các chỉ tiêu báo cáo kinh tế - xã hội để Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật lên Hệ thống.

3. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thống kê tỉnh đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan cập nhật số liệu các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên Hệ thống; đồng thời, rà soát tính chính xác của số liệu theo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã giao cho các ngành.

Điều 24. Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh (IOC)

1. Giám sát, phối hợp điều hành Hệ thống; theo dõi tiến độ cập nhật thông tin, số liệu của các cơ quan, đơn vị và tính chính xác của thông tin, kết quả đầu ra trên Hệ thống. Định kỳ hằng tháng, hằng quý, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình cập nhật thông tin báo cáo của các cơ quan, đơn vị trên Hệ thống.

2. Đôn đốc, giám sát các cơ quan, đơn vị trong quá trình vận hành, khai thác Hệ thống.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quy chế này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế này; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.